

## PHẬT THUYẾT PHÁP TẬP KINH

### QUYỂN 5

Bấy giờ, Tuệ mạng Đại Mục-kiền-liên bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ-tát nghĩ: “Ta nói được Pháp tập” thì Bồ-tát đó không thể nói được. Vì sao? Vì có ngã kiến nên nghĩ ta thuyết pháp, người khác nghe pháp. Người xa lìa tướng ngã thì không thấy mình thuyết pháp, người khác nghe pháp. Không thấy hai tướng đó cũng không phải không thấy hai tướng đó. Bạch Thế Tôn! Tất cả pháp hữu vi đều không thật có mà sinh tâm phân biệt pháp gì? Nếu cho là thật có thì pháp đó hư vọng không thật. Các Bồ-tát không phân biệt pháp đó thật có. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát biết tất cả pháp hư vọng, không thật, ví như lời nói của người huyễn. Bạch Thế Tôn! Hư vọng là thật không nhưng lại giống như có. Pháp đó thuộc trong sự rỗng lặng, không trái nhân duyên, thuộc không sinh diệt, người này không trái với pháp không và nhân duyên, tùy thuận không sinh diệt, bỏ mọi thứ phân biệt, đoạn trừ ngã, ngã kiến, tà kiến. Các Đại Bồ-tát biết pháp hư vọng nhưng tùy thuận thế gian nói là có. Người nói pháp đó là hư vọng để cho người khác biết chính là người nói Pháp tập. Nói Pháp tập là nói những pháp gì? Nói tất cả pháp đều là một tướng, Pháp tập đó là Pháp tập vi diệu.

Bạch Thế Tôn! Pháp tập con nêu giảng có tùy thuận Pháp tập của Phật giảng thuyết không?

Đức Phật bảo:

–Đúng vậy, Mục-kiền-liên! Lời ông giảng thuyết tùy thuận ý ta.

Lúc này, Tuệ mạng Phú-lâu-na Di-đà-la-ni tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu người vì cầu phước mà thuyết Pháp tập thì thật đáng chê trách. Vì sao? Vì là chấp ngã. Người chấp tướng ngã, ngã sở, tạo tội, phước, hành bất động bằng tà kiến thì không thể tự lợi, lợi tha.

Bạch Thế Tôn! Người không biết Pháp tập là người không tạo tội, phước, hành bất động. Người biết Pháp tập là người không tập cũng không phải không tập năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới, không thủ cũng không phải không thủ pháp chúng sinh; không thủ thật hư, không thủ cũng không rời cảnh giới tham, sân, si, không thủ thế gian, Niết-bàn, tranh tụng, im lặng, không, tà kiến, vô tướng, giác quán, không thủ cũng không phải không thủ vô nguyện, không thủ pháp Phật, pháp phàm phu, pháp phi pháp, Thánh tăng, ngoại đạo tăng.

Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát biết tất cả pháp không mong cầu nơi rốt ráo. Vì sao? Vì Bồ-tát biết các pháp đều là rốt ráo. Bồ-tát không cầu giải thoát vì bản tánh các pháp là vắng lặng, giải thoát, không yêu thích một pháp. Vì Bồ-tát biết các pháp Phật không phải tự pháp, tha pháp. Không nắm giữ hay xả bỏ một pháp nào, nếu có nắm giữ và xả bỏ thì đáng chê trách; không hành, không trụ vì nếu có hành trụ thì đáng chê trách; không vui buồn vì nếu có vui buồn thì đáng chê trách. Bạch Thế Tôn! Đó chính là Pháp tập.

Thế Tôn! Pháp tập con giảng thuyết có tùy thuận pháp tập Phật giảng thuyết không?

Đức Phật bảo:

–Này Phú-lâu-na! Lời ông giảng tùy thuận ý ta.

Khi đó, Tuệ mạng Ca-chiên-diên bạch Phật:

–Thế Tôn, người nào thuyết pháp dựa trên hai tướng pháp phi pháp thì chính là người trụ trong vô minh. Vì sao? Vì người nào biết như thật về phi pháp thì đó là pháp chân thật.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ-tát biết như thật về phi pháp thì đó là chân như. Bạch Thế Tôn! Pháp chân thật không từ đâu đến, không đi về đâu, pháp không nương người, không gần xa người nơi chốn. Bạch Thế Tôn! Pháp không nghĩ: Với chúng sinh thượng căn ta thực hành, với chúng sinh hạ, trung căn ta không thực hành; với chúng sinh hạ, trung căn ta thực hành, với chúng sinh thượng, căn ta không thực hành.

Bạch Thế Tôn! Pháp không phải do tướng cũng không phải không do tướng mà có tên. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Thánh nhân thấy cái gì có tướng đều là trói buộc, cái gì không có tướng cũng đều là trói buộc.

Bạch Thế Tôn! Pháp không phải xa lìa cũng không phải tu hành. Bạch Thế Tôn! Người biết rõ pháp thì không cần tu hành.

Bạch Thế Tôn! Pháp không cho người cũng không tự giữ mà tùy theo lòng mong muốn nên có lợi ích khác nhau, vì không có người tạo tác.

Bạch Thế Tôn! Với chư Phật, pháp không có ý tưởng là người, thân cũng không có tâm oán ghét phàm phu, vì không có ý tưởng phân biệt.

Bạch Thế Tôn! Pháp không gần Phật mà xa phàm phu, nhưng tùy theo sự thực hành mà đạt pháp khác nhau.

Bạch Thế Tôn! Pháp đó chính là Pháp tập.

Bạch Thế Tôn! Pháp tập con giảng thuyết có tùy thuận Pháp tập mà Phật giảng thuyết không?

Đức Phật bảo:

–Này Ma-ha Ca-chiên-diên! Lời ông giảng thuận ý ta.

Tuệ mạng Đại Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Người vì mong cầu sự vắng lặng mà thuyết Pháp tập thì không có Pháp tập.

Bạch Thế Tôn! Vì các pháp không ngoài sự vắng lặng, vì pháp không có hai. Pháp có hai là không biết hai vì vượt ngoài sự hiểu biết của tâm ý thức. Một pháp không mong cầu hai vì xả bỏ pháp mong cầu. Một pháp cũng không có hai vì không có tạo tác.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Vắng lặng là pháp không hai, pháp không hai không ngoài các pháp. Bạch Thế Tôn! Các pháp không có hai tướng vì tự tánh là không, vô tướng, vô nguyện, vô hành, không sinh diệt, không có tướng thanh tịnh, bất tịnh; tham keo, bố thí; phá giới, giữ giới; sân hận, nhẫn nhục; biếng nhác, siêng năng; tán loạn, thiền định; ngu si, trí tuệ để đạt. Không thấy đắc các pháp là đạt được pháp chân thật, nếu thấy có đắc thì không đạt được, nếu có cảnh giới thực hành thì không đạt được. Tâm hành theo cảnh giới, hành hai pháp, thấy có pháp sở hữu, nương tựa pháp, cầu chứng pháp, lìa phiền não, cầu rốt ráo, thấy Phật, Pháp, Tăng, thế gian, Niết-bàn thì không thể đạt cảnh giới như vậy.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Người cầu pháp thì không mong cầu gì ở các pháp.

Bạch Thế Tôn! Người không mong cầu gì ở pháp chính là người cầu pháp chân thật.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát có chánh kiến thì không thấy pháp, phi pháp. Lại xét các

pháp xa lìa tâm ngã sở, không đắm chấp, xa lìa hư vọng, không thật, xa lìa tất cả sự mong cầu hý luận là pháp chân thật. Bồ-tát thuyết giảng như thế là Pháp tập chân thật.

Bạch Thế Tôn! Pháp tập vi diệu mà con giảng thuyết có tùy thuận Pháp tập Phật giảng thuyết không?

Đức Phật bảo:

–Này Ca-diếp! Lời ông giảng tùy thuận ý ta.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Pháp là vô tranh. Người không tranh cãi là người có pháp.

Bạch Thế Tôn! Mắt và sắc không cạnh tranh, tai-tiếng, mũi-hương, lưỡi-vị, thân-xúc, ý-pháp cũng không cạnh tranh, đó là pháp. Vì sao? Vì nó không hòa hợp và không đến nhau. Pháp không hòa hợp không đến nhau là pháp không cạnh tranh.

Bạch Thế Tôn! Pháp không có hai nên pháp không cạnh tranh.

Bạch Thế Tôn! Các pháp không hai, không biết nhau, không biết, không phân biệt, vượt ngoài sự phân biệt, không sinh diệt, thêm bớt, yêu ghét, không trụ thế gian, Niết-bàn. Pháp chân thật thì không thể nói người được pháp, pháp bị người được.

Bạch Thế Tôn! Các pháp không yêu ghét, nhiễm tịnh.

Bạch Thế Tôn! Nếu nói tôi hiểu biết, giảng thuyết thì đều là hư vọng phân biệt pháp mười hai nhập.

Bạch Thế Tôn! Các nhập đó không có tâm phân biệt. Người nào biết pháp đó chính là người không cạnh tranh với vật, không cạnh tranh với vật là người tùy thuận pháp Sa-môn. Người tùy thuận hạnh Sa-môn là người không đến đi, hành trụ, tiến dừng, thấy các pháp là pháp hành, giải thoát hành, pháp giới, rốt ráo nhưng không thấy người đạt rốt ráo. Pháp được thấy chỉ là danh tự, hư dối, giả huyễn. Người thấy hư giả không thật là người thấy pháp.

Bạch Thế Tôn! Thấy pháp là thấy Phật, thấy phi pháp là thấy Phật, thấy Phật là thấy chúng sinh, thấy không có chúng sinh là thấy nhân duyên, thấy không có nhân duyên là thấy sự rỗng lặng, thấy không phải rỗng lặng là không thấy. Bạch Thế Tôn! Đó là thấy đúng các pháp. Người như vậy là người tùy thuận ý Phật, Pháp, Tăng.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát đạt các pháp Nhãn vô tranh như vậy còn không tranh tụng với ma, huống gì là tranh tụng với người đồng hạnh, không hề có việc tranh tụng. Vì sao? Vì Bồ-tát thấy tất cả ngôn ngữ đều có thể thành tựu hạnh của mình nên không tranh tụng, thế nên Bồ-tát được pháp vô tranh rốt ráo và vì đạt pháp vô tranh rốt ráo nên Bồ-tát được gọi là người đạt tất cả pháp rốt ráo, đạt sự bình đẳng trong các pháp, như thấy thân mình bình đẳng, các pháp cũng bình đẳng, trụ trong nhãn bình đẳng, vì thế gọi là đạt rốt ráo. Các pháp bình đẳng không đến đi nên gọi là đạt rốt ráo.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát đạt rốt ráo các pháp thì pháp giảng thuyết đều là Pháp tập, đem đến niềm vui an ổn cho chúng sinh.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Pháp tập con giảng thuyết có tùy thuận với Pháp tập Phật giảng thuyết không?

Đức Phật bảo:

–Này Tu-bồ-đề! Lời ông giảng tùy thuận ý ta. Tu-bồ-đề! Lúc ông giảng thuyết pháp tập này, có năm ngàn Thiên tử xa lìa trần cấu, được Pháp nhãn thanh tịnh trong các pháp, năm ngàn Thiên tử phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh giác.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nào nghe pháp tập vi diệu của ông thì Bồ-tát ấy biết mình

sẽ đến biển pháp lớn, biết thân này không có lỗi, rỗng lặng, sẽ đạt diệu lạc. Tu-bồ-đề!  
Đó là Pháp tập tối thượng của chư Phật Như Lai.

Tuệ mạng A-na-luật bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Văn tự của các pháp là Pháp tập. Vì sao? Vì tánh của văn tự không có tướng chấm dứt, không có tướng chấm dứt chính là văn tự.

Bạch Thế Tôn! Ngôn ngữ con nói đều chỉ là văn tự.

Bạch Thế Tôn! Văn tự không xuất phát từ mình, cũng không xuất phát từ người khác, văn tự không nghĩ mình phát ra tiếng.

Bạch Thế Tôn! Văn tự không thêm bớt.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát biết tánh của văn tự bình đẳng với các pháp.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát biết rõ âm thanh của các pháp nên Bồ-tát không bị âm thanh làm chướng ngại. Tất cả âm thanh nghe được đều là âm thanh của Phật, là âm thanh của Không, Vô tướng, Vô nguyên, pháp giới, thật tế, không có một pháp nào làm chướng ngại Nhất thiết trí của Bồ-tát. Bồ-tát không thấy pháp nào ngoài Bồ-đề của Phật, thấy pháp không chướng ngại, không trái với Bồ-đề của Phật, không tiến không thoái. Bồ-tát không thấy pháp nhưng luôn tạo lợi ích cho chúng sinh. Bồ-tát ấy đạt hẳn rốt ráo trong các pháp, do đó thành tựu Nhạo thuyết biện tài sâu xa. Nghĩa là biện tài của Bồ-tát, hàng Thanh văn, Bích-chi-phật không thể lường được. Bồ-tát đạt Biện tài nhạo thuyết an ổn là tùy theo biện tài làm cho chúng sinh được vui an ổn. Đạt Biện tài giảng thuyết ứng hợp là tùy theo sở thích nghe pháp và căn tánh của chúng sinh mà nói rộng hẹp. Đạt Biện tài nhanh chóng là tùy lời lẽ biện tài mà giáo hóa chúng sinh nhanh chóng. Đạt Biện tài thông lợi là thuyết pháp cho chúng sinh có căn trí lanh lợi, khiến họ chứng được lợi giải thoát. Đạt Biện tài cộng thượng nhạo thuyết là thuyết giảng giáo pháp hợp với chư Phật. Đạt Biện tài tăng trưởng là biện tài chỉ nói một câu, một chữ mà tăng lên cả trăm ngàn vạn ức. Đạt Biện tài khinh nhạo thuyết là biết tướng mạo mà thuyết pháp. Đạt Biện tài ái lạc là biện tài làm cho người nghe pháp không chán. Đạt Biện tài điều thuận là biện tài không trái ý Phật. Đạt Biện tài nhu nhuyễn là biện tài không kiêu mạn, tâm không phóng dật. Đạt Biện tài tịch tĩnh là biện tài làm cho mình và người đều tịch tĩnh. Đạt Biện tài tùy thuận âm thanh là biện tài giáo hóa chúng sinh nhập Thanh văn thừa. Đạt Biện tài viễn ly là biện tài giáo hóa chúng sinh đạt Bích-chi-phật thừa. Đạt Biện tài tối thắng là biện tài giáo hóa chúng sinh đạt Đại thừa. Đạt Biện tài bất cộng là biện tài giảng thuyết về mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng. Đạt Biện tài tịch diệt là biện tài giảng các pháp Bồ-đề phần. Đạt Biện tài vô cơ hiểm là biện tài làm cho chúng sinh vui vẻ tin tưởng. Đạt Biện tài chư lực là biện tài điều phục tất cả ma chướng, ngoại đạo, tà luận. Đạt Biện tài thiện thuyết là biện tài thuyết pháp cho bốn chúng nhưng không lo sợ.

Bạch Thế Tôn! Đó là Pháp tập vì diệu.  
Bạch Thế Tôn! Pháp tập con giảng thuyết có tùy thuận Pháp tập Phật giảng thuyết không?

Đức Phật bảo:

–A-na-luật! Lời ông thuyết giảng tùy thuận ý ta.

Tuệ mạng La-hầu-la bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát muốn thuyết Pháp tập nên tìm cầu, thọ trì pháp. Vì sao? Vì nhờ thọ trì mà được pháp nên phải tìm cầu, chỉ có tâm tinh chuyên cầu pháp là tối thắng. Vì sao? Vì tôn trọng pháp nên được pháp, không vì tôn trọng thức ăn mà được lợi

chánh pháp, biết bỏ thân này sẽ có quả về sau, không phải chỉ quán sát mà được quả báo, thích chỗ thanh tịnh không ồn ào, gần người an ổn không gần kẻ phá giới, gần người cung kính, không gần kẻ kiêu mạn, gần người an vui không gần kẻ hung dữ, gần người có tâm nhu hòa không gần kẻ ương ngạnh, gần người tâm tịch tĩnh không gần kẻ đấm cháp, gần người bày tỏ tội lỗi, không gần kẻ che giấu tội lỗi, gần người thích bố thí, không gần kẻ keo kiệt, gần người giữ giới không gần kẻ phá giới, gần người nhẫn nhục không gần kẻ sân hận, gần người tinh tấn không gần kẻ biếng nhác, gần người thiền định không gần kẻ tán loạn, gần người trí tuệ không gần kẻ ngu si, gần người hiểu nhiều không gần kẻ thiếu trí, gần người chánh niệm không gần kẻ tà niệm, gần người tạo nghiệp lành không gần kẻ ác, gần người thích Phật pháp không gần kẻ thích pháp thế gian, gần người thích sự rộng lặng không gần kẻ tà kiến thoái đọa, gần người giữ giới không gần kẻ tự tôn.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Người nào giữ giới người đó sẽ có pháp. Đó là giữ giới gì? Bạch Thế Tôn! Tất cả các giới đều thuộc ba loại giới: Tăng thượng Giới, Định, Tuệ.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát học ba loại giới này là đã học các pháp Đại thừa.

Bạch Thế Tôn! Thế nào là Tăng thượng giới của Bồ-tát.

Thế Tôn, Bồ-tát giữ Ba-la-đề-mộc-xoa nhưng không cho giới đó là thanh tịnh, chỉ vì tu tập theo giới Bồ-tát, thành tựu oai nghi nhưng không cho oai nghi, là thanh tịnh vì trụ trong oai nghi của Bồ-tát. Cho dù là tội nhỏ cũng luôn lo sợ vì nường trí của Bồ-tát. Thế nào là trí tuệ của Bồ-tát? Là Bồ-tát biết như thật về các pháp, vì không sợ phiền não, nghiệp chướng. Thế nào là cảnh giới của Bồ-tát? Cảnh giới phân biệt rộng lặng, không phải thật. Biết giới bình đẳng mà học giới; biết sự rộng lặng bình đẳng mà học giới nên nói biết sự rộng lặng bình đẳng mà học giới. Biết sự bình đẳng của vô tướng, vô nguyện, vô hành, không sinh diệt mà học giới, nên nói biết sự bình đẳng mà học giới.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ-tát nghĩ: “Ta hãy làm cho chúng sinh giữ Ba-la-đề-mộc-xoa”, đó là Giới học tăng thượng của Bồ-tát.

Thế Tôn! Thế nào là Định học tăng thượng của Bồ-tát? Đó là tu tập bốn Thiền, bốn Không, Tam-ma-bạt-đề. Bồ-tát nghĩ: Ta hãy dùng Định học tăng thượng để thành tựu cho chúng sinh.

Thế nào là Tuệ học tăng thượng của Bồ-tát? Bồ-tát học mười tám pháp không. Bồ-tát nghĩ: “Ta hãy làm cho chúng sinh biết rõ mười tám pháp không này.”

Bạch Thế Tôn! Ba pháp học này sẽ bao gồm tất cả học khác.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ-tát nào bảo hộ chúng sinh chính là giữ gìn giới tịnh. Nếu giữ giới mà không đấm cháp vào giới thì Bồ-tát đó sẽ làm vừa lòng chúng sinh.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát xuất gia giữ giới không tham đắm vật gì. Bồ-tát giữ giới tịch tĩnh, không ưa thích ngôn ngữ, Bồ-tát an nhiên giữ giới, không ưa thích âm thanh. Bồ-tát thiền định giữ giới không ưa thích cảnh giới. Bồ-tát giải thoát giữ giới không ưa thích nơi thọ sinh. Bồ-tát nghe pháp giữ giới không ưa thích những học thuyết thế gian. Bồ-tát thuyết pháp giữ giới thì dù trải qua trăm ngàn vạn ức do-tuần để thuyết pháp cũng không mỏi mệt. Bồ-tát hộ trì chánh pháp giữ giới thì tu tập pháp gì để vì sự an lạc của chúng sinh, không vì tự thân. Bồ-tát thâm tâm giữ giới muốn cho chúng sinh đạt Bồ-đề trước, không mong chỉ mình chứng đạt. Bồ-tát tăng thượng thâm tâm giữ giới thích làm việc lợi người, không thích lợi mình. Bồ-tát tu hành giữ giới trải qua vô số kiếp tu hành thành tựu các pháp Bồ-đề mà không mỏi mệt. Bồ-tát tu bố thí thì đem cả đầu

mất tủy não để tạo lợi ích cho chúng sinh. Bồ-tát giữ giới thì không bỏ chúng sinh phá giới. Bồ-tát nhẫn nhục thì không sợ các ma chướng nhiễu loạn. Bồ-tát siêng năng thì vì chúng sinh tu tập Bồ-đề không mệt mỏi. Bồ-tát tu thiền định thì không nhiễm đắm âm thanh và mọi việc. Bồ-tát tu trí tuệ thấy tánh của các pháp bình đẳng như tướng Bồ-đề. Bồ-tát tu hạnh không thì không làm việc thế gian. Bồ-tát tu đại Bi thì không nhập Niết-bàn.

Bạch Thế Tôn! Giữ giới như vậy là Pháp tập.

Bạch Thế Tôn! Pháp tập con giảng thuyết có tùy thuận Pháp tập Phật giảng thuyết không?

Đức Phật bảo:

–La-hầu-la! Lời ông giảng tùy thuận ý ta.

Tuệ mạng Ưu-ba-ly bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát tự xa lìa phiền não và làm cho chúng sinh xa lìa phiền não. Với mọi thứ: Đối chúng sinh giới, pháp giới, tham sân si giới. Bồ-tát nghĩ: “Cho dù chúng sinh và pháp giới, tham, sân, si giới chấm dứt thì ta vẫn giáo hóa chúng sinh không mệt mỏi.” Bồ-tát nghĩ: “Bản tánh của các pháp vắng lặng mà chúng sinh không hay biết. Vì sao? Vì các pháp là Không nên không hoạt động, nghĩa là tà kiến và tranh tụng đều không hoạt động. Các pháp diệt trong Vô tướng, nơi ấy tất cả các tâm giác quán, suy xét, không hoạt động. Các pháp diệt nơi Vô nguyện nên không còn mong cầu. Các pháp diệt trong vô ngã nên không tham đắm. Các pháp diệt trong không chúng sinh, nên không có bất cứ loài nào. Các pháp diệt trong không thọ mạng, nên không còn sinh tử. Các pháp diệt trong Thật đế, nên không còn hư vọng. Các pháp diệt trong nhân duyên tập, nên không còn thọ mạng. Các pháp diệt trong bốn Niệm xứ, nên không còn niệm khác. Các pháp diệt trong bốn Chánh cần, nên không còn nắm giữ hay xả bỏ. Các pháp diệt trong bốn Như ý túc, nên không còn đến đi. Các pháp diệt trong năm Căn, nên không còn cao thấp. Các pháp diệt trong năm Lực, nên không còn điều phục. Các pháp diệt trong bảy Giác phần, nên không còn sự u tối. Các pháp diệt trong tám Thánh đạo nên không còn nghiệp ác, suy nghĩ sai. Các pháp diệt trong mười Lực, nên không còn chướng tử. Các pháp diệt trong bốn Vô sở úy, nên không còn công dụng. Các pháp diệt trong trí tuệ, nên không còn vô minh. Các pháp không tạo tác, nên không còn các hành. Các pháp diệt trong vô niệm, nên không còn trí thức. Các pháp diệt trong giác, nên không còn danh sắc. Các pháp diệt trong vô y, nên không còn sáu nhập. Các pháp diệt trong bất tận, nên không còn xúc. Các pháp diệt trong bất tri, nên không còn thọ. Các pháp diệt trong vô ngã, nên không còn ái. Các pháp diệt trong vô sở thủ, nên không còn thủ. Các pháp diệt trong vô thân, nên không còn hữu. Các pháp diệt trong bất diệt, nên không còn sinh. Các pháp diệt trong kiên cố, nên không còn già. Các pháp diệt trong bất tận, nên không còn chết.” Bạch Thế Tôn! Đó là trí vô chướng ngại của Bồ-tát. Bồ-tát trụ trong trí này thì ma chướng không hàng phục được, ngoại đạo luận sư không phá hoại được, phiền não không ô nhiễm được. Các Đức Phật thường khen ngợi, chư Thiên cung kính, nương tựa.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát đạt đến trí rốt ráo là đạt tạng pháp lớn không nghèo thiếu, giữ gìn tạng bí mật của chư Phật Như Lai. Là người đáng tin cậy của chư Phật Như Lai, việc làm đã xong, đạt lợi mình, như biển lớn không thể lường được, như núi Tu-di không lay động được. Bạch Thế Tôn! Đó là Pháp tập thù thắng vi diệu.

Bạch Thế Tôn! Pháp tập con thuyết giảng có tùy thuận Pháp tập Phật thuyết giảng

không?

Đức Phật bảo:

–Uu-ba-ly! Lời ông giảng thuận ý ta. Ưu-ba-ly! Các Bồ-tát tu tập theo pháp tập này sẽ đạt Vô thượng Chánh đẳng giác.

Tuệ mạng A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các Bồ-tát thọ trì diệu pháp là pháp thù thắng trong các nghiệp.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát tu hành, thọ trì diệu pháp là tùy thuận Bồ-đề và chư Phật Như Lai. Vì sao? Vì Phật Như Lai luôn tôn trọng pháp.

Bạch Thế Tôn! Thế nào là hộ trì diệu pháp? Bồ-tát giảng được Khế kinh sâu xa của chư Phật Như Lai, thường đọc tụng, suy nghĩ, tu tập.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ-tát giữ gìn, tu tập là người hộ trì diệu pháp.

Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát giữ gìn tu tập?

Bạch Thế Tôn! Các nghiệp thân, khẩu, ý của Bồ-tát đều vì tạo lợi ích cho chúng sinh, với đức đại Bi tăng thượng, gia hộ cho chúng sinh được vui an ổn. Bồ-tát hộ pháp suy xét kỹ: Làm việc gì để đem lại an ổn cho chúng sinh? Ta nên làm những việc như vậy, đó là thành tựu pháp quán năm ấm, tuy quán như vậy nhưng không mong tu hành bằng cách xả ly năm ấm. Quán cảnh giới như rắn độc, không mong tu hành bằng cách xả ly mười tám giới. Quán nhập như xóm làng trống vắng, không mong cầu xả ly mười hai nhập. Quán sắc như bọt nước để tu các hạnh mà tâm không xả ly việc thành tựu sắc thân trang nghiêm của chư Phật, Như Lai. Quán thọ như bong bóng nước để tu các hạnh mà tâm không xả ly việc thành tựu an lạc vi diệu nơi thiên đình, Tam-muội, Tam-ma-bạt-đề của chư Phật, Như Lai. Quán tưởng như dợn nắng để tu các hạnh mà tâm không xả việc thành tựu trí tuệ của Như Lai. Quán hành như cây chuối để tu các hạnh mà tâm không xả ly việc thành tựu diệu pháp của chư Phật, Như Lai. Quán thức như ảo thuật để tu các hạnh mà tâm không xả ly việc thành tựu trí tuệ để làm thanh tịnh thân, khẩu, ý nghiệp. Bồ-tát không mong quả báo. Giữ giới để cứu chúng sinh phá giới. Nhẫn nhục để điều phục chúng sinh. Tinh tấn để thành tựu các pháp lành. Thiền định để thân tâm được nhu hòa. Tu trí để soi rõ tướng các pháp. Tu bốn Niệm xứ thì tâm không nhớ. Tu bốn Chánh cần để đạt trí vô chướng ngại. Tu năm Căn thành tựu hạnh tiến triển. Tu năm Lực thì không thoái chuyển Bồ-đề. Tu bảy Giác phần thì không còn lười nghỉ. Tu tám Chánh đạo thì không lầm lỗi. Tu bốn Phạm hạnh thì đạt như ý tự tại.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ-tát biết rõ về không sẽ thọ trì được diệu pháp. Không chính là không hý luận.

Bạch Thế Tôn! Người hý luận thì không thọ trì được diệu pháp.

Bạch Thế Tôn! Người biết không, vô tướng là người thọ trì diệu pháp. Người chấp tướng sẽ không thọ trì được diệu pháp.

Bạch Thế Tôn! Vì các pháp là Không, Vô tướng nên Vô nguyện. Vô nguyện là thọ trì diệu pháp. Y chỉ vào nguyện thì không thọ trì được diệu pháp.

Bạch Thế Tôn! Người thấy có các pháp, chấp ngã, ngã sở, kiêu mạn, ganh ghét, keo kiệt, tham dục, náo hại, sân hận thì không thọ trì được diệu pháp. Bồ-tát thọ trì diệu pháp thì không có tướng phân biệt giữa chúng sinh và pháp. Bạch Thế Tôn! Đó là Bồ-tát thọ trì diệu pháp.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát thấy các pháp không sinh diệt, chúng sinh không đến đi, thân thể không sạch dơ, không thích pháp Phật, không ghét pháp ngoại đạo, thọ trì tám vạn bốn ngàn Pháp tạng mà không có tâm tưởng về pháp, không sống trong phiền não

tùy phiền não và các pháp bất thiện, nhưng không có tâm tưởng về phi pháp. Đạt tâm giải thoát nhưng không nghĩ mình giải thoát. Tạo nghiệp đê tử của chư Phật nhưng không thấy thân, khẩu, ý tu hành. Đạt tự tại trong các pháp nhưng không nghĩ pháp, phi pháp, không nắm giữ hay xả bỏ các pháp, không vì đạt và chứng các pháp, tâm không đắm chấp nơi vật, tâm không dựa trên phi phạm phu, học nhân La-hán, nhưng đoạn kết sử tham, sân, si, đạt thọ ký trong Bồ-đề nhưng không cầu Bồ-đề của Phật, đến đâu Bồ-tát cũng thấy là đạo tràng, điều phục ma chướng nhưng không thấy có ma và quyến thuộc của ma, thành tựu Bồ-đề của Phật, nhưng không chứng pháp mà trước kia không có, chuyển bánh xe pháp lớn nhưng không có ý về chúng sinh thành hoại, điều phục ma chướng, ngoại đạo, nhưng không tranh chấp, thọ sinh mà không phải mới sinh hay đã sinh, chết nhưng không chấm dứt, vượt khỏi ba cõi, nhưng không có nơi đi, lìa các ngôn ngữ, âm thanh nhưng không thấy có ngôn ngữ, không yêu ghét các pháp, đó là Bồ-tát thọ trì diệu pháp. Bạch Thế Tôn! Đó là Pháp tập thắng diệu.

Bạch Thế Tôn! Pháp tập con giảng thuyết có tùy thuận Pháp tập Phật giảng thuyết không?

Đức Phật bảo:

–A-nan! Lời ông giảng tùy thuận ý ta.

Lúc Tôn giả A-nan nói Pháp tập này, có tám vạn Thiên tử phát tâm Vô thượng Chánh giác, ba vạn hai ngàn Bồ-tát đạt pháp Nhãn vô sinh, năm trăm Tỷ-kheo từ bỏ lậu hoặc, đạt tâm giải thoát.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Di-lặc bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ví như bóc vỏ trấu để lấy gạo; Bồ-tát cũng thế, bỏ phi pháp giữ chánh pháp, bỏ keo kiệt tham lam, giữ hạnh bố thí, bỏ phá giới, giữ gìn giới, bỏ sân hận, giữ nhẫn nhục, bỏ biếng nhác, luôn siêng năng, bỏ tán loạn, tu thiền định, bỏ ngu si, tu trí tuệ. Đó là Pháp tập thắng diệu.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Có mong cầu là phi pháp. Không mong cầu thì không chấp thủ. Không chấp thủ thì không bảo hộ. Không bảo hộ thì không nhiễm ô. Không nhiễm ô nên không tranh tụng. Không tranh tụng thì không tham tiếc. Không tham tiếc thì không tổn não. Không tổn não thì không thực hành. Không thực hành nên không thoái chuyển. Bồ-tát không thoái chuyển sẽ được chư Phật, Như Lai thọ ký quả vị Vô thượng Chánh đẳng giác. Bạch Thế Tôn! Đó là Pháp tập thắng diệu.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ-tát nghĩ: “Ta không thoái chuyển tâm Vô thượng Chánh đẳng giác, thì không được chư Phật, Như Lai thọ ký. Vì sao? Vì tất cả phiền não đều bắt nguồn từ sự mong cầu. Bạch Thế Tôn! Trừ bỏ sự mong cầu là lìa phiền não, nên được chư Phật, Như Lai thọ ký.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ-tát nghĩ: Thọ ký là lời nói hư dối của Thế Tôn. Vì sao? Vì người được thọ ký là không, người thọ ký cũng không. Nếu cả hai đều không thì thọ ký ở đâu? Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Vì lòng đại bi, tùy thuận thế gian nên nói như vậy. Bồ-tát biết các pháp như vậy là được thọ ký.

Bạch Thế Tôn! Ví như huyễn sư thọ ký hư huyễn, nhưng sự huyễn hóa ấy thì không có tâm: Ta thọ ký cho ta thành Chánh giác.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát cũng như sự huyễn hóa kia, không có tâm phân biệt. Bồ-tát nghĩ: “Bồ-đề không phải là tướng chứng và bỏ được, không phải tướng sinh diệt, không phải do tâm thân chứng, không ở trong, ngoài, giữa, Bồ-đề không nghĩ ta là Bồ-đề, Bồ-tát chứng được ta.” Bạch Thế Tôn! Đó là Pháp tập vi diệu.



Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ-tát ở địa Hoan hỷ không hổ thẹn, không buồn lo. Ở địa Ly cấu thì không tăng giảm. Ở địa Minh thì không tối sáng. Ở địa Diễm thì không nắm giữ hay xả bỏ. Ở địa Nan thắng thì không hơn thua. Ở địa Hiện tiền thì không tự mình giác cũng không do người khác giác. Ở địa Viển hành thì không đi dừng. Ở địa Bất động thì không lay động phân biệt. Ở địa Thiện tuệ thì không thành, không mong thành. Ở địa Pháp vân thì không tự giác, giác tha. Ở Phật địa thì làm tất cả nhưng không làm gì, vì thế Như Lai tự nhiên không hý luận. Bạch Thế Tôn! Đó là Pháp tập thắng diệu của Đại Bồ-tát.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát cứ thế đạt đến trí tùy thuận, đạt sự Thuyết pháp tự tại vì không đắm chấp nơi ngôn ngữ; đạt Thanh tịnh tự tại vì không nhiễm vướng bất cứ nơi nào; đạt Nhạo thuyết tự tại vì luôn dựa trên văn tự của một pháp mà giảng thuyết đến trăm ngàn vạn kiếp vẫn không hết; đạt Trí tự tại vì từ văn tự của một pháp mà giảng thuyết trăm ngàn vạn pháp môn; đạt Sinh tự tại vì đem lại lợi ích cho chúng sinh ở khắp mọi nơi nên thọ sinh ở đó; đạt Tam-muội tự tại vì bất cứ lúc nào muốn nhập Tam-muội thì nhập; đạt Trụ trì tự tại vì luôn gia hộ khắp nơi, nghĩa là thuyết giảng diệu pháp của chư Phật cho nai, cừu, chim thú, cỏ cây, vách đá; đạt Quyến thuộc tự tại vì có vô số bà con luôn thường còn; đạt Kiến tự tại vì thấy sắc đẹp; đạt Văn tự tại vì nghe tiếng hay; đạt Tỷ tự tại vì gửi tất cả hương chỉ là hương diệu pháp; đạt Thiệt tự tại vì ăn pháp vị, không ăn các thức ăn; đạt Thân tự tại vì thành tựu Pháp thân, chẳng phải thân ăn uống. Đạt Tâm tự tại vì biết tâm hành mọi loài, ngay cả ruồi, muỗi, nhặng, kiến. Bạch Thế Tôn! Đó là Pháp tập thắng diệu.

Bấy giờ, Bồ-tát Kiến Giả Ái Lạc bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát thực hành như vậy, vì chúng sinh thấy được đều vui vẻ. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Bồ-tát chỉ có một việc là giáo hóa chúng sinh, ngoài ra không làm gì. Bạch Thế Tôn! Đó là pháp tập thắng diệu căn bản của Bồ-tát.

Bạch Thế Tôn! Vì vậy Bồ-tát nên thích pháp. Bạch Thế Tôn! Thế nào là thích pháp?

Bồ-tát có bốn pháp ưa thích: Bố thí mà không cầu quả báo. Bình đẳng với chúng sinh bằng Ái ngữ. Phòng hộ các hạnh của chúng sinh bằng Lợi hành. Yêu thương chúng sinh như thân mình bằng Đồng sự.

Lại có bốn pháp đa văn vì không có tâm kiêu mạn. Thuyết pháp lia tưng vì bỏ tâm mong cầu cúng dường. Tôn trọng người đáng kính vì cầu trí tuệ. Tu hành tinh tấn vì giáo hóa chúng sinh.

Lại có bốn pháp: Thành tựu giới tịnh vì bố thí bằng pháp. Thành tựu biết đủ vì sống nơi tịch tĩnh. Sống nơi vắng lặng nên đạt thiền định. Sống trong thành ấp, xóm làng vì không phá bỏ các oai nghi.

Lại có bốn pháp: Thật ngữ vì thích giảng nói. Pháp ngữ vì nói về pháp không. Nhẫn nhục ngữ vì tâm bình đẳng. Tịch tĩnh ngữ vì hộ trì các căn.

Lại có bốn pháp: Biết trước ý hỏi vì có thiện ngữ. Tâm ý đầy đủ vì dù được ít nhưng vẫn biết đầy đủ. Thành tựu không dua nịnh vì việc làm hợp với lời nói. Đi trong chỗ đông đúc không đối trá vì không dối gạt chúng sinh.

Lại có bốn pháp: Không có tâm ác vì bên trong tịch tĩnh. Tâm không si vì bên ngoài không điên đảo. Không có tâm bồn sển vì quán sát mọi pháp là vô thường. Không có tâm kiêu mạn vì biết như thật về các pháp.

Lại có bốn pháp: Đạt tâm sâu xa vì biết trước ý hỏi. Xa lìa ái nhiễm vì đạt ái ngữ.

Xả bỏ các tâm nhưng không bỏ tâm Bồ-đề. Hiểu sâu Đệ nhất nghĩa nhưng tùy thuận Thế đế. Bạch Thế Tôn! Đó là Pháp tập vi diệu.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ-tát đạt đệ nhất không, được đại thông minh, được đại tự tại, khéo biết thuyết giảng pháp tập, thích pháp sâu xa, tùy thuận chúng sinh, rớt ráo đạt được pháp không thể nghĩ bàn, được pháp nhu hòa, đại thông, đại pháp sư, đại pháp vương, việc làm lớn, chỗ nương tựa của chúng sinh, đạt đại thông phần tấn, vì giáo hóa chúng sinh không thoái chuyển nên sinh mà không sinh, chết mà không chết, mọi việc đã làm xong, nên thành tựu Bồ-đề, đạt tâm giải thoát rồi siêng năng, nhập Niết-bàn nhưng đầy đủ hạnh cầu, tu hành Nhất thiết trí nên còn học hỏi người khác.

Bạch Thế Tôn! Nước biển có thể lường biết được, nhưng không thể lường biết được biển trí Đại thừa của Bồ-tát.

Bạch Thế Tôn! Hư không trong sạch có thể làm như được nhưng tâm của Đại Bồ-tát thì không làm cho ô nhiễm được.

Bạch Thế Tôn! Gió tuy không hình tướng nhưng có thể nắm bắt được, tâm của Đại Bồ-tát không bị cảnh giới của sáu trần làm đắm nhiễm.

Bạch Thế Tôn! Ánh nắng mùa xuân có thể sờ nắm được, nhưng Bồ-tát không có tâm chấp ngã, ngã sở.

Bạch Thế Tôn! Đó là Pháp tập vi diệu.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Thiện Mục bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát tu các pháp chỉ lấy tâm Bồ-đề làm gốc. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Các pháp đều là hư vọng, chỉ do tâm phân biệt, thể tánh không có vật, như ảo ảnh, không có cội gốc, theo sự mong muốn mà thành, không có người tạo tác, người thọ nhận, tánh nó không dừng trụ.

Bạch Thế Tôn! Các pháp không có đầu cuối, vì không có cả hai: Các pháp không có ngã, ngã sở vì không có chủ thể. Các pháp bình đẳng như pháp giới vì không phải là khách. Các pháp không phải là chủ vì không còn tham. Các pháp không có sự phân biệt vì không có tâm lấy bỏ. Các pháp không đến đi vì chỉ là cảnh giới của trí, không có sự hiểu biết, không có chủ thể.

Bạch Thế Tôn! Phạm phu chấp ngã trong pháp vô ngã. Chấp có chúng sinh trong pháp không chúng sinh. Bồ-tát nghĩ: Ta dùng diệu pháp này làm cho chúng sinh giác ngộ. Bạch Thế Tôn! Đó là tâm Bồ-đề. Phát tâm làm cho chúng sinh an ổn, thọ lạc, vô thượng, pháp giới, quang minh, chúng sinh được giữ vững, an trụ, đó là tâm Bồ-đề.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Tu Bồ thí ba-la-mật là tâm tịch tĩnh, Giới ba-la-mật là tâm bất khuyết. Nhẫn nhục ba-la-mật là tâm không tổn hại. Tinh tấn ba-la-mật là tâm không thoái chuyển. Thiền ba-la-mật là tâm không loạn. Trí ba-la-mật là tâm không phân biệt hư vọng. Đại Từ là tâm nhu hòa. Đại Bi là tâm không thoái chuyển. Đại Hỷ là tâm không nhàm chán. Đại Xả là tâm không nhớ. Đại thí là tâm không keo kiệt. Ái hạnh là tâm không bị trói buộc. Lợi ích là tâm bình đẳng. Đồng sự là tâm tối thượng. Không tuệ là tâm không phân biệt. Trí vô tướng là tâm vô niệm. Vô nguyện là tâm không trụ. Hạnh Bồ-đề là tâm nơi ba mươi bảy phần Bồ-đề. Hạnh tiến thủ là tâm niệm Phật. Hạnh không phá hoại là tâm niệm Pháp. Tâm pháp giới là tâm niệm Tăng. Tâm vô lượng là tâm niệm Giới. Tâm không thủ là tâm niệm Xả. Tâm niệm thiên là niệm các căn lành vì được trang nghiêm bằng các căn lành. Lấy sự thọ sinh thù thắng mà phát tâm Bồ-đề vì để tu tập các căn.

Bạch Thế Tôn! Về sự phát tâm Bồ-đề, dù trải qua một kiếp hay vô số kiếp con

cũng không thể nói hết. Cứ thế các Đại Bồ-tát tu tập vô số nhân duyên mà phát tâm Bồ-đề.

Vì vậy, bạch Thế Tôn! Các Bồ-tát muốn cầu các pháp lành thì nên cầu trong sự phát tâm Bồ-đề. Bạch Thế Tôn! Đó là Pháp tập vi diệu.

Bồ-tát Thiện Sinh bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Từ cội gốc tinh tấn nên các pháp lành được sinh ra.

Bạch Thế Tôn! Những gì là cội gốc của các pháp?

Bạch Thế Tôn, Không, Vô tướng, Vô nguyện là cội gốc của các pháp, vì ở đó không có sự thấy biết, không có phiền não của ba cõi. Vô hành là nguồn gốc của các pháp vì ở đó không có người tạo tác. Vô ngã là cội gốc của các pháp vì ở đó không có ngã. Lìa chúng sinh là cội gốc của các pháp vì ở đó không thấy có chúng sinh. Vô mạng là cội gốc của các pháp vì ở đó không thấy thọ mạng. Các pháp không sinh vì không thấy vô thường. Các pháp không diệt vì không thấy đoạn. Các pháp không vật vì không thấy có. Các pháp bình đẳng như Niết-bàn vì ở đó không thấy sự hy hữu. Các pháp như Bồ-đề vì ở đó không thấy có Phật. Các pháp không tạo tác vì ở đó không thấy Pháp. Các pháp không hòa hợp vì ở đó không thấy Tăng. Bạch Thế Tôn! Đó là Pháp tập vi diệu.

Khi ấy, Bồ-tát Đạo Đại Sư bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát muốn cho chúng sinh đạt đại Bồ-đề trước nên không vì mình mà chứng đại Bồ-đề. Đại Bồ-tát tạo nghiệp vì chúng sinh không vì mình, nhưng không thấy chúng sinh, không bỏ tâm đại Từ bi, đó là Bồ-tát.

Bạch Thế Tôn! Thế nào là Đại Bồ-tát có tâm đại Từ bi?

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát không thấy chúng sinh, nhưng luôn tu các căn lành rồi hồi hướng lên đại Bồ-đề, đó là đại từ; Bồ-tát không bỏ việc làm của chúng sinh, đó là đại Bi. Bồ-tát thấy pháp thế gian là Niết-bàn, nhưng luôn siêng năng tu tập đạo là đại Từ; không bỏ chúng sinh là đại Bi. Tự thân phát tâm Bồ-đề là đại từ; giáo hóa chúng sinh là đại Bi. Bỏ các vật trong ngoài là đại Từ; bỏ các căn lành trong ngoài vì chúng sinh đạt Bồ-đề của Phật, hồi hướng lên đạo Vô thượng là đại Bi. Giữ gìn giới tịnh không hủy phạm là đại Từ; tự giữ giới tịnh, tăng trưởng giới tịnh của chúng sinh là đại Bi. Tự tu hành an ổn, nhẫn nhục, đạt an lạc là đại Từ; đem niềm vui an ổn cho chúng sinh là đại Bi. Tự tu các hạnh tinh tấn để đạt đạo của chư Phật, là đại Từ; làm cho chúng sinh đạt hạnh đại tinh tấn là đại Bi. Tự tu tịch tĩnh là đại từ; làm cho chúng sinh đạt hạnh tịch tĩnh là đại Bi. Tự tu trí tuệ là đại từ; tăng trưởng trí tuệ chúng sinh bằng trí tuệ của mình là đại Bi. Không tu hành không phải không tu hành là đại từ; không tạo tác, không phải không tạo tác là đại Bi. Sinh nhưng không đi là đại từ; đi nhưng không động là đại Bi. Nói nhưng không nói là đại Từ; tham đắm nhưng không bị trói buộc là đại Bi. Trói nhưng không thủ đắc là đại Từ; nhập Niết-bàn nhưng không diệt là đại Bi. Tự thân xuất xá-lợi nhưng không có xương thịt, gân, máu là đại từ; tu quán thân xương không thêm bớt là đại Bi. Bố thí nhưng không xả vật là đại từ; hộ các căn nhưng không thành tựu là đại Bi; tăng trưởng nhưng không tự cao là đại Bi. Bạch Thế Tôn! Đó là Pháp tập thắng diệu.

Bấy giờ, Bồ-tát Quang Minh Tràng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát dùng tâm định tịch tĩnh tạo nghiệp tối thượng. Vì sao? Vì Bồ-tát trụ trong tâm tịch tĩnh thì các pháp vi diệu của chư Phật tự nhiên hiển hiện.

Bạch Thế Tôn! Vì Bồ-tát tôn trọng tâm tịch tĩnh và niềm vui an ổn nên đạt Bồ-đề

và các môn Đà-la-ni.

Bạch Thế Tôn! Những gì là Đà-la-ni của Bồ-tát? Bất cứ ở đâu, nghe pháp không quên, thọ trì, hiểu rõ và làm cho chúng sinh hiểu rõ. Nhờ không tăng trưởng, không phân biệt Đà-la-ni nào nên thọ trì tám vạn bốn ngàn pháp môn mà không quên sót. Nhờ Đà-la-ni nên biết tâm, tâm sở của chúng sinh vì biết tâm của chúng sinh nên thuyết pháp hợp cơ. Nhờ Đà-la-ni nên nghe hiểu lời nói của chúng sinh, nhờ nghe tiếng phàm phu đạt đại Bi, nghe tiếng Thánh nhân đạt đại Từ. Nhờ Đà-la-ni nên nghe nhớ một câu pháp mà thuyết giảng trong vô số kiếp, Bồ-tát đó có biện tài nhạy thuyết không dừng, không cùng tận giới mốc. Nhờ Đà-la-ni nên biết như thật về ngôn ngữ, biết tất cả ngôn ngữ đều là Phật ngữ. Nhờ Đà-la-ni nên ở trụ xứ của Bồ-tát, Phật trong mười phương thuyết pháp, ai nghe được cũng đều thọ trì. Bồ-tát nghe pháp ở vị Phật này rồi ở chỗ Phật khác thuyết giảng nhưng không chướng ngại. Bạch Thế Tôn! Đó là Bồ-tát thọ trì Đà-la-ni.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát đạt Đà-la-ni, nhờ Đà-la-ni nên thuyết pháp dù chỉ một pháp, một chữ, một câu hay thuyết cả pháp giới mà Bồ-tát đó vẫn không có tâm kiêu mạn, không sống phóng dật, đạt Đà-la-ni tăng thượng. Nhờ Đà-la-ni nên nói được các pháp hiện thấy và các tập Đà-la-ni hiện có được trong thế gian. Nhờ Đà-la-ni nên đoạn trừ nghi hoặc và phiền não của chúng sinh, đạt tập Đà-la-ni tăng thượng. Nhờ Đà-la-ni nên tăng trưởng bạch pháp, chấm dứt các phiền não, đạt Đà-la-ni hành. Nhờ Đà-la-ni nên biết được pháp, ánh sáng pháp, Bồ-tát biết đúng về các pháp nhưng không phân biệt, tu hành các pháp nhưng thân tâm thật không tu hành, nói pháp nhưng thật không nói một chữ, xả các pháp nhưng không mất, tăng trưởng pháp nhưng không có vật nào để tăng, tổn giảm các pháp nhưng không có pháp nào để giảm, nói pháp nhưng thật không có ngôn ngữ, làm cho nhập Niết-bàn nhưng ở thế gian không lay động, đạt địa Thánh nhân nhưng không rời địa phàm phu, điều phục ma nhưng không phải thân, khẩu, ý tạo nghiệp. Bạch Thế Tôn! Đó là Pháp tập vi diệu của các Bồ-tát.

Bấy giờ, Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tướng của các pháp là giải thoát.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát không phân biệt đây là trói, mở. Vì sao? Vì giải thoát không phải là cái khác, cái khác không phải là giải thoát, giải thoát không thêm một pháp, cũng chẳng giảm một pháp. Giải thoát không từ đâu đến, sự trói buộc cũng không đi về đâu.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát giải thoát không nghĩ ta đã giải thoát, tâm của vị ấy chỉ biết là giải thoát, các pháp khác cũng vậy.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ-tát nghĩ: “Thế gian là pháp cấu nhiễm, Niết-bàn là pháp thanh tịnh”, thì Bồ-tát đó không đạt giải thoát. Vì sao? Vì thấy có ta, nên nghĩ như vậy.

Bạch Thế Tôn! Nếu người nào nghĩ rằng: “Ta chán ghét ấm giới nhập, cầu nhập Niết-bàn”, thì người ấy không đạt giải thoát. Vì sao? Vì thấy có ta, nên nghĩ như vậy.

Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo đạt tâm giải thoát suy xét: Các pháp như tướng giải thoát, chỉ vì phàm phu không hay biết nên nghĩ như vậy, con dùng pháp này làm cho họ biết được.

Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo đạt tâm giải thoát nghĩ rằng mình đạt giải thoát, phàm phu thường tìm cầu giải thoát trong các pháp giải thoát, Tỳ-kheo phát tâm đại bi với chúng. Vì sao? Vì người cầu giải thoát là người chưa đạt giải thoát. Vì vậy, bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo muốn đạt giải thoát nên quán sát rõ về chủ thể trói buộc, đối tượng bị

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

trói buộc, không phân biệt giải thoát. Nếu không phân biệt sẽ đạt giải thoát. Bạch Thế Tôn! Đó là Pháp tập thắng diệu của Bồ-tát.

